

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17C/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Bà Nông Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng:
Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 202/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lương Xuân N - sinh năm 1984;

Địa chỉ: số nhà 04B, tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Trương Thị Thùy A - sinh năm 1985;

Địa chỉ: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, anh Lương Xuân N trình bày: anh N và chị Thùy A kết hôn ngày 13/4/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Thùy A nghi ngờ anh N nghiện ma túy. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi vã nhưng chưa xảy ra xô xát. Vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Lương Cẩm T, sinh ngày 10/6/2011, hiện nay cháu đang sống với mẹ tại tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn anh Ng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Thùy A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: anh N cấp dưỡng 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh N xác nhận quá trình chung sống hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Thùy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: đúng như anh N trình bày.

Về quá trình chung sống: sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 06 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị nghi ngờ anh N nghiện ma túy. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng không xô sát. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị không nhất trí ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Lương Thị Cẩm T, sinh ngày 10/6/2011, hiện nay cháu đang sống với mẹ tại tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: chị Thùy A yêu cầu anh N cấp dưỡng 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị Thùy A xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2018, cháu Lương Cẩm T cho biết nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn vì mẹ quan tâm, chăm sóc cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa anh N và chị Thùy A đều nhất trí ly hôn và thống nhất giao con chung là cháu Lương Cẩm T cho chị Thùy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Xuân N. Về việc nuôi con chung: công nhận thỏa thuận của anh N và chị Thùy A: khi ly hôn, giao cháu Lương Cẩm T cho chị Thùy A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài

sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh Lương Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị Thùy A kết hôn ngày 13/4/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Thùy A là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Thùy A nghi ngờ anh N nghiện ma túy. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi nhưng chưa xô sát. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên đều nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Thùy A chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Do đó, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị Thùy A.

[2.2] Về con chung: anh N và chị Thùy A xác nhận quá trình chung sống có một con chung tên Lương Cẩm T, sinh ngày 10/6/2011. Tại phiên tòa anh N và chị Thùy A thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Thùy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh N và chị Thùy A đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh N còn phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: anh N và chị Thùy A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Lương Xuân N và chị Trương Thị Thùy A.

- Về con chung: công nhận thỏa thuận của hai bên đương sự về con chung như sau: Giao con chung Lương Cẩm T, sinh ngày 10/6/2011 cho chị Trương Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Lương Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lương Xuân N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lương Xuân N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí anh N phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000257 ngày 29/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay anh N còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Anh Lương Xuân N và chị Trương Thị Thùy A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- UBND phường Hòa Chung;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Phương